TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST Ngày 09 - 7 - 2024 V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa bà T và ông T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Long

Ông Trần Văn Nĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1986 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp 7, xã P, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.
- *Bị đơn:* Ông Lê T, sinh năm 1984 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2024 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Ngọc T trình bày:

Bà và ông Lê T chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà và ông T bất đồng quan điểm về nơi cư trú, từ năm 2012 đến nay, bà và ông T không còn chung sống với nhau. Bà T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Lê T.

Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Lê T có hai người con chung tên là Lê Thanh T, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2006 và Lê Thanh B, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2012, hiện bà T đang nuôi dưỡng, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết giao hai người con chung cho bà nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, bà T xác định: Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 5 năm 2024, người con chung có tên Lê Thanh T xác định: Khi cha mẹ cháu là bà Trần Ngọc T và ông Lê T ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng với mẹ cháu là bà Trần Ngọc T.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 5 năm 2024, người con chung có tên Lê Thanh B xác định: Khi cha mẹ cháu là bà Trần Ngọc T và ông Lê T ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng với mẹ cháu là bà Trần Ngọc T.

Quá trình tố tụng, ông Lê T vắng mặt, bà Trần Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Trần Ngọc T và nơi cư trú của ông Lê T, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê T đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhiều lần nhưng ông Lê T vắng mặt không rõ lý do. Bà Trần Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Lê T, bà Trần Ngọc T.

[3] Bà Trần Ngọc T và ông Lê T đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà Trần Ngọc T và ông Lê T nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Việc ông T vắng mặt thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Trần Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hôn nhân giữa bà Trần Ngọc T và ông Lê T có hai người con chung tên là Lê Thanh T, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2006 và Lê Thanh B, sinh ngày 07 tháng 10

năm 2012, tính đến ngày xét xử cả hai người con chung đã hơn 7 tuổi và cả hai người con chung cùng có nguyện vọng sống cùng với bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung. Bà Trần Ngọc T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung có tên là Lê Thanh T, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2006 và Lê Thanh B, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2012. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Lê T có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai người con chung có tên là Lê Thanh T, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2006 và Lê Thanh B, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2012; Vì lợi ích của người con chung, bà T, ông T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; bà T, ông T có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Bà Trần Ngọc T xác định về tài sản chung không có và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trần Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ án phí sơ thẩm.

Ông Lê T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Ngọc T về việc xin ly hôn với ông Lê T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc T được ly hôn với ông Lê T.

2. Về con chung: Bà Trần Ngọc T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Lê Thanh T, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2006 và Lê Thanh B, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2012, hiện bà T đang nuôi dưỡng.

Ông Lê T có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai người con chung có tên là Lê Thanh T, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2006 và Lê Thanh B, sinh ngày 07 tháng 10 năm

2012, bà T cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Ông T thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của người con chung, khi có căn cứ thì bà T, ông T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà T, ông T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Bà Trần Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008717 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Bà Trần Ngọc T, ông Lê T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *THA DS huyện Châu Thành;*
- *Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, văn thư.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diệp Song Tiền